

CHÍNH PHỦ
Số: 30/1998/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 13 tháng 5 năm 1998

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ

Quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/1997/QH9 ngày 10 tháng 5 năm 1997;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

NGHỊ ĐỊNH:

CHƯƠNG I

PHẠM VI ÁP DỤNG THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Điều 1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm:

1. Các tổ chức sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ: Doanh nghiệp nhà nước; Công ty trách nhiệm hữu hạn; Công ty cổ phần; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và Bên nước ngoài tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; các công ty nước ngoài và tổ chức nước ngoài hoạt động kinh doanh ở Việt Nam không theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; doanh nghiệp tư nhân; hợp tác xã; tổ hợp tác; tổ chức kinh tế của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân; cơ quan hành chính sự nghiệp có tổ chức sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ.

2. Cá nhân trong nước sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ bao gồm:

- a) Cá nhân và nhóm cá nhân kinh doanh;
b) Hộ cá thể;

- c) Cá nhân hành nghề độc lập: Bác sỹ, luật sư, kế toán, kiểm toán, họa sỹ, kiến trúc sư, nhạc sỹ và cá nhân hành nghề độc lập khác;
- d) Cá nhân cho thuê tài sản như nhà, đất, phương tiện vận tải, máy móc thiết bị và các loại tài sản khác;
- e) Hộ gia đình, cá nhân nông dân trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản có giá trị sản phẩm hàng hóa trên 90 triệu đồng/năm và có thu nhập trên 36 triệu đồng/năm, phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho phần thu nhập trên 36 triệu đồng/ năm.

3. Công ty nước ngoài hoạt động kinh doanh thông qua cơ sở thường trú tại Việt Nam.

Cơ sở thường trú của công ty nước ngoài ở Việt Nam là cơ sở kinh doanh mà thông qua cơ sở này công ty nước ngoài thực hiện một phần hay toàn bộ hoạt động kinh doanh của mình tại Việt Nam mang lại thu nhập. Cơ sở thường trú của công ty nước ngoài bao gồm các hình thức sau:

- a) Chi nhánh, văn phòng điều hành, nhà máy, xưởng sản xuất, kho giao nhận hàng hóa, phương tiện vận tải, hầm mỏ, mỏ dầu hoặc khí đốt, địa điểm thăm dò hoặc khai thác tài nguyên thiên nhiên hay các thiết bị phương tiện phục vụ cho việc thăm dò tài nguyên thiên nhiên;
- b) Địa điểm xây dựng; công trình xây dựng, lắp đặt, lắp ráp; các hoạt động giám sát xây dựng, công trình xây dựng, lắp đặt, lắp ráp;
- c) Cơ sở cung cấp các dịch vụ bao gồm cả dịch vụ tư vấn thông qua người làm công cho mình hay một đối tượng khác;
- d) Đại lý cho công ty nước ngoài;
- đ) Đại diện ở Việt Nam trong các trường hợp:

Có thẩm quyền ký kết các hợp đồng đứng tên công ty nước ngoài.

Không có thẩm quyền ký kết các hợp đồng đứng tên công ty nước ngoài nhưng thường xuyên thực hiện việc giao hàng hóa hoặc cung ứng dịch vụ tại Việt Nam.

Trong trường hợp Hiệp định tránh đánh thuế hai lần mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết có quy định khác về cơ sở thường trú thì thực hiện theo quy định của Hiệp định đó.

4. Cá nhân nước ngoài kinh doanh có thu nhập phát sinh tại Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng không thuộc diện nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm hộ gia đình, cá nhân, tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất nông nghiệp có thu nhập từ sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, trừ hộ gia đình, cá nhân nông dân quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định này.

CHƯƠNG II

CĂN CỨ TÍNH THUẾ VÀ THUẾ SUẤT

Điều 3. Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế theo Điều 8 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được quy định cụ thể như sau:

1. Đối với hàng hóa, dịch vụ do cơ sở sản xuất, kinh doanh bán ra là toàn bộ tiền bán hàng, tiền cung ứng dịch vụ kể cả trợ giá, phụ thu, phụ trội mà cơ sở sản xuất, kinh doanh được hưởng. Nếu cơ sở sản xuất, kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp trên giá trị gia tăng, doanh thu để tính thu nhập bao gồm cả thuế giá trị gia tăng.
2. Đối với hàng hóa bán theo phương thức trả góp là doanh thu của hàng hóa bán tính theo giá bán trả một lần, không bao gồm lãi trả chậm.
3. Đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để trao đổi, biếu, tặng doanh thu tính thuế theo giá bán của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm trao đổi, biếu, tặng.
4. Đối với sản phẩm tự dùng, doanh thu để tính thu nhập chịu thuế là chi phí để sản xuất ra sản phẩm đó.
5. Đối với gia công hàng hóa là tiền thu về gia công bao gồm cả tiền công, nhiên liệu, động lực, vật liệu phụ và chi phí khác phục vụ cho việc gia công hàng hóa.
6. Đối với hoạt động cho thuê tài sản là số tiền thuê thu được từng kỳ theo hợp đồng thuê. Trường hợp bên thuê trả tiền trước cho nhiều tháng, nhiều năm thì doanh thu là toàn bộ số tiền thu được.
7. Đối với hoạt động tín dụng là tiền lãi cho vay thực thu được trong kỳ tính thuế.
8. Đối với hoạt động khác do Bộ Tài chính quy định.

Điều 4. Các khoản chi phí hợp lý được trừ để tính thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ bao gồm:

1. Khấu hao tài sản cố định dùng cho sản xuất, kinh doanh. Mức trích khấu hao tài sản cố định do Bộ Tài chính quy định.
2. Chi phí nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, hàng hóa thực tế sử dụng vào sản xuất, kinh doanh, dịch vụ liên quan đến doanh thu và thu nhập chịu thuế trong kỳ, được tính theo mức tiêu hao hợp lý và giá thực tế xuất kho.
3. Tiền lương, tiền công và các khoản mang tính chất tiền lương, tiền công phải trả cho người lao động, tiền ăn giữa ca:
 - a) Tiền lương, tiền công và các khoản mang tính chất tiền lương, tiền công phải trả cho người lao động trong các doanh nghiệp nhà nước theo chế độ hiện hành.
 - b) Tiền lương, tiền công và các khoản mang tính chất tiền lương, tiền công phải trả cho người lao động trong các cơ sở kinh doanh khác theo hợp đồng lao động. Nếu chưa thực hiện chế độ hợp đồng lao động thì tiền lương, tiền công và các khoản mang tính chất tiền lương, tiền công phải trả cho người lao động được tính vào chi phí để tính thu nhập chịu thuế căn cứ vào mức tiền lương, tiền công bình quân của ngành nghề tại địa phương.
Không được tính vào chi phí tiền lương, tiền công các khoản chi phí sau:
Tiền lương, tiền công của chủ doanh nghiệp tư nhân, chủ hộ cá thể sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.
Tiền lương, tiền công của sáng lập viên các công ty mà họ không trực tiếp tham gia điều hành sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.
 - c) Chi phí tiền ăn giữa ca cho người lao động.
4. Chi phí nghiên cứu khoa học, công nghệ; sáng kiến, cải tiến; tài trợ cho giáo dục; y tế; đào tạo lao động theo chế độ quy định.
5. Chi phí dịch vụ mua ngoài: điện, nước, điện thoại, sửa chữa tài sản cố định, tiền thuê tài sản cố định, kiểm toán, bảo hiểm tài sản, chi trả tiền sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng sáng chế, giấy phép công nghệ không thuộc tài sản cố định, các dịch vụ kỹ thuật.
6. Các khoản chi cho lao động nữ theo quy định của pháp luật; chi bảo hộ lao động; chi bảo vệ cơ sở kinh doanh; trích nộp quỹ bảo hiểm xã hội; bảo hiểm y tế thuộc trách nhiệm của cơ sở kinh doanh sử dụng lao động; kinh phí công đoàn; khoản trích nộp hình thành nguồn chi phí quản lý cho cấp trên theo chế độ quy định.

7. Chi trả lãi tiền vay vốn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của ngân hàng, của các tổ chức tín dụng theo lãi suất thực tế; chi trả lãi tiền vay của các đối tượng khác theo lãi suất thực tế, nhưng tối đa không quá tỷ lệ lãi suất trần do ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định cho các tổ chức tín dụng.

8. Trích các khoản dự phòng: giảm giá hàng tồn kho, giảm giá các loại chứng khoán trong hoạt động tài chính và dự phòng các khoản thu khó đòi.

9. Trợ cấp thôi việc cho người lao động theo quy định của pháp luật.

10. Chi về tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ bao gồm: chi bao gói, vận chuyển, bốc vác, thuê kho, bãi, bảo hành sản phẩm.

11. Chi phí quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và các khoản chi phí khác được khống chế tối đa không quá 7% tổng số chi phí. Đối với hoạt động thương nghiệp tổng chi phí để xác định mức khống chế không bao gồm giá mua vào của hàng hóa bán ra.

Bộ Tài chính hướng dẫn mức khống chế khoản chi phí này phù hợp với từng ngành nghề.

12. Các khoản thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất phải nộp có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (trừ thuế thu nhập doanh nghiệp) bao gồm:

Thuế xuất khẩu; thuế tiêu thụ đặc biệt; thuế giá trị gia tăng (đối với cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng); thuế môn bài; thuế tài nguyên; thuế sử dụng đất nông nghiệp; thuế nhà đất;

Lệ phí đường, phí qua cầu, qua phà, lệ phí sân bay, lệ phí chứng thư...;

Tiền thuê đất.

13. Chi phí quản lý kinh doanh do công ty nước ngoài phân bổ cho cơ sở thường trú ở Việt Nam theo tỷ lệ doanh thu của cơ sở thường trú so với tổng doanh thu công ty ở nước ngoài.

Điều 5. Các khoản doanh thu, chi phí hợp lý được ghi trong sổ kế toán của cơ sở kinh doanh bằng Đồng Việt Nam. Trường hợp có doanh thu, chi phí bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm thu, chi ngoại tệ.

Điều 6. Không tính vào chi phí hợp lý các khoản chi phí sau: